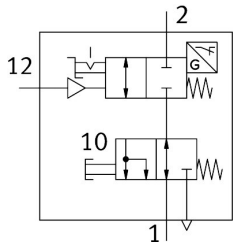


Van đóng mở **VBOC-L2-S7-P-M12-G38-E** Số bộ phận: 8180904

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2/2 đóng đơn ổn định
Cổng nối khí nén 1	G3/8
Cổng nối khí nén 2	G3/8
Kiểu vận hành	khí nén
Kiểu gắn	vặn được với ren ngoài
Lưu lượng danh định được chuẩn hóa theo ISO 8778	1000 l/ph
Lưu lượng bình thường 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) theo tiêu chuẩn ISO 8778	1740 l/ph
Lưu lượng danh định 2->1 được chuẩn hóa theo ISO 8778	1090 l/ph
Lưu lượng bình thường 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) 2->1 theo tiêu chuẩn ISO 8778	1740 l/ph
Áp suất vận hành	0.05 MPA...1 MPA 0.5 bar...10 bar
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...60 °C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Vị trí lắp đặt	bất kì
Chọn chức năng bổ sung 2	thông hơi bằng tay
Tính chất đặc biệt	Có khả năng chống tia lửa hàn
Loại đệm kín trên ngông vận vít	Vòng đệm
Nút ghi đè	khớp
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài
Chức năng thông hơi bằng tay	quét
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở
xoay	360 độ/không được phép xoay liên tục

Đặc tính	Giá trị
Cảm biến bảo vệ phân cực ngược	cho tất cả các cổng nối điện
Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc	Thông tin hiện tại về chủ đề này có thể được tìm thấy trong Báo cáo kỹ thuật V
Truy vấn vị trí chuyển mạch	Vị trí nghỉ ngơi với cảm biến
áp suất tắt	0.05 MPA...0.2 MPA
áp suất bật	0.15 MPA...0.4 MPA
Khí nén ngoài phạm vi	0.04 MPA
Áp suất điều khiển	0.1 MPA...1 MPA 1 bar...10 bar 14.5 psi...145 psi
Thời gian chuyển mạch tắt	25 ms
Thời gian chuyển mạch bật	10 ms
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...60 °C
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	13 N m
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20 %
trọng lượng sản phẩm	154 g
Dải điện áp hoạt động DC cảm biến	10 V...30 V
Cảm biến điện trở ngắn mạch	có
Cảm biến dòng điện không tải	10 mA
Dòng điện đầu ra tối đa cảm biến	200 mA
Sụt áp cảm biến	3 V
Cổng nối điện 1, chức năng	Đầu ra chuyển mạch
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	3
Chiều dài cáp	0.3 m
Cổng nối khí điều khiển 12	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR NBR TPE-U (PU)
Vật liệu vít rỗng	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu vỏ bọc cáp	PVC
Vật liệu đai ốc có khóa	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu cổng nối xoay	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu bộ gá cảm biến	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu đai ốc khóa	thép không gỉ hợp kim cao